

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẬP
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2024

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Thẩm Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Vân Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh P tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST- HNGĐ ngày 31/5/2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Giàng Thị L, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu N, xã T, huyện Y, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Hồng L, xã H, huyện T, tỉnh Y.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L: Bà Hoàng Thị Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý N nước tỉnh P.

Bị đơn: Anh Vàng A N, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu N, xã T, huyện Y, tỉnh P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T - Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý N nước tỉnh P.

(Chị L, bà H, bà Thủy có mặt; anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Giàng Thị L trình bày: Chị và anh Vàng A N có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/12/2018 tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình chồng ở khu N, xã T, huyện Y, tỉnh P. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát

sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hay cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Vàng A N không chín chu làm ăn, chơi bời, không quan tâm đến gia đình nên hai vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị Giàng Thị L xin ly hôn với anh Vàng A N.

Về con chung: Chị Giàng Thị L xác định chị và anh Vàng A N có 3 con chung là cháu Vàng Thị T, sinh ngày 17/6/2017; cháu Vàng Thị V, sinh ngày 18/8/2019; cháu Vàng Thị Chương Y, sinh ngày 06/7/2021. Khi ly hôn chị Giàng Thị L đề nghị được nuôi cả 3 con chung và không đề nghị anh Vàng A N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Giàng Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Giàng Thị L thống nhất với quan điểm của chị L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị L.

Phía anh Vàng A N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nhưng trong lời khai thể hiện quan điểm của mình như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với chị L về thời gian, điều kiện, sự tự nguyện trong hôn nhân giữa anh với chị L. Anh xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng hay cãi chửi nhau, sau đó chị Giàng Thị L về n mẹ đẻ ở huyện T, tỉnh Y sinh sống từ cuối năm 2023 đến nay. Hai vợ chồng đã ly thân từ đó. Quá trình giải quyết vụ án anh đề nghị được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, sau đó anh Vàng A N xác định tình cảm vợ chồng không còn, kể từ khi ly thân giữa anh và chị L không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên anh nhất trí ly hôn với chị Giàng Thị L.

Về con chung: Anh Vàng A N xác định anh và chị Giàng Thị L có 3 con chung là cháu Vàng Thị T, sinh ngày 17/6/2017; cháu Vàng Thị V, sinh ngày 18/8/2019; cháu Vàng Thị Chương Y, sinh ngày 06/7/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án anh cũng đề nghị được nuôi ba con chung nhưng sau đó anh có lời khai nhất trí giao ba con chung là cháu Vàng Thị T, cháu Vàng Thị Vân và cháu Vàng Thị Chương Y cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Vàng A N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nhất trí với quan điểm của bị đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Giàng Thị L ly hôn với anh Vàng A N do cuộc sống chung chị L và anh N có những mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được; về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N không ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L; về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Giàng Thị L và Vàng A N.

- Về con chung: Giao ba con chung là Vàng Thị T, sinh ngày 17/6/2017; cháu Vàng Thị V, sinh ngày 18/8/2019; cháu Vàng Thị Chương Y, sinh ngày 06/7/2021 cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên.

Anh Vàng A N không ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Giàng Thị L vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Giàng Thị L và anh Vàng A N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Giàng Thị L và anh Vàng A N. Bị đơn là anh Vàng A N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Y, tỉnh P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Vàng A N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Vàng A N phù hợp.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị L và anh Vàng A N có đăng ký kết hôn với nhau ngày với nhau vào ngày 07/12/2018 tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh P, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn qua xác minh tại chính quyền địa phương và bản thân chị L và anh N cũng xác định trong cuộc sống vợ chồng của anh, chị phát sinh những mâu thuẫn, cãi vã không thể hòa giải, hàn gắn được dẫn đến việc vợ chồng đã ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị Giàng Thị L và anh Vàng A N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Giàng Thị L đề nghị ly hôn với anh Vàng A N là có căn cứ. Phía chị Giàng Thị L và anh Vàng A N đều nhất trí thuận tình ly hôn. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Giàng Thị L và anh Vàng A N là phù hợp.

Về con chung: Chị Giàng Thị L và anh Vàng A N xác định vợ chồng có 3 con chung là cháu Vàng Thị T, sinh ngày 17/6/2017; cháu Vàng Thị V, sinh ngày 18/8/2019; cháu Vàng Thị Chương Y, sinh ngày 06/7/2021. Khi ly hôn chị Giàng Thị L đề nghị Tòa án giao cháu Vàng Thị T, cháu Vàng Thị V, cháu Vàng Thị Chương Y cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Hơn nữa, phía anh N cũng nhất trí giao ba con chung cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên cần giao cháu Vàng Thị T, cháu Vàng Thị V, cháu Vàng Thị Chương Y cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vàng A N không ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Giàng Thị L vì chị Giàng Thị L tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Giàng Thị L và anh Vàng A N đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Giàng Thị L và anh Vàng A N là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Giàng Thị L và Vàng A N.

2. Về con chung: Giao ba con chung là cháu Vàng Thị T, sinh ngày 17/6/2017; cháu Vàng Thị V, sinh ngày 18/8/2019; cháu Vàng Thị Chương Y, sinh ngày 06/7/2021 cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên.

Anh Vàng A N không ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Giàng Thị L vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị L và anh Vàng A N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Giàng Thị L có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Vàng A N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người ph thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T, h.Y;
- (ĐKKH ngày 07/12/2018)
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang